

Số: 614 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tỷ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ Chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 276/TTr-TNMT ngày 14 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

TT	Tên mỏ, loại khoáng sản	Tỷ lệ khoáng sản có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai (%)	
1	Mỏ quặng vàng gốc Phong Minh- Sa Lý, thuộc xã Phong Minh, xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn		
1.1	Khu Vạn Cung	- Vàng	21,399
		- Bạc	78,601
1.2	Khu Cầu Ván	- Vàng	22,715
		- Bạc	77,285

TT	Tên mỏ, loại khoáng sản	Tỷ lệ khoáng sản có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai (%)	
1.3	Khu Khán Phùng	- Vàng	26,899
		- Bạc	73,101
1.4	Khu suối Luồng 1	- Vàng	17,092
		- Bạc	82,908
1.5	Khu suối Luồng 2	- Vàng	18,562
		- Bạc	81,438
1.6	Khu suối Ngà	- Vàng	28,969
		- Bạc	71,031
2	Mỏ quặng đồng thuộc vùng Hộ Đáp và Tân Hoa, huyện Lục Ngạn	- Đồng	90,0
		- Chi kẽm	10,0

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Tổ chức được cấp phép khai thác khoáng sản tại các mỏ khoáng sản tại Điều 1 Quyết định này có nghĩa vụ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật về thuế, phí về khoáng sản.

3. Trường hợp có phát sinh mỏ khoáng sản mới hoặc có sự thay đổi liên quan đến tỷ lệ khoáng sản nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, kịp thời đề xuất phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quyết định này đảm bảo phù hợp và theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng cục Thuế;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, KTN, KTTH;
- + Trung tâm Thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích